

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 09/8/2019

*“V/v ly hôn, nuôi con,
Tranh chấp nợ khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Trường Giang.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Hanh.

Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà:
Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc “ly hôn, nuôi con, tranh chấp nợ khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1982

ĐKHKT và cư trú tại: Thôn B, xã TH, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1977

ĐKHKT và cư trú tại: Thôn B, xã TH, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Viết tắt là Agribank).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Công A – Giám đốc phòng giao dịch Thanh Bính – Chi nhánh Agribank huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Xã TB, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn B, xã TH, huyện T, tỉnh Hải Dương

- Bà Lê Thị M, 70 tuổi.

Địa chỉ: Thôn Y, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Agribank, Chị T, ông A, bà S, bà M đề nghị xử vắng mặt. Anh C vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên uống rượu say về chửi bới, đánh đập chị. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi. Khoảng tháng 3 năm 2019, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt anh C cầm dao chém chị gây thương tích, chị phải vào bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương điều trị 10 ngày. Trong thời gian chị vào điều trị tại bệnh viện, anh C không hỏi han, quan tâm đến chị. Sau khi ra viện chị về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chị ly hôn anh C.

Về quan hệ con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị PA, sinh ngày 22/11/2005 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 24/6/2011. Hiện nay hai con đang ở với chị, ly hôn chị xin nhận nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay chị làm nghề buôn bán thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng đủ khả năng nuôi cả hai con. Ngoài ra, chị được sự hỗ trợ từ phía bố mẹ chị trong việc trông nom, chăm sóc con và được tạo điều kiện về chỗ ở ổn định, lâu dài.

Về tài sản chung và công sức: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình.

Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng vay của Phòng giao dịch TB thuộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện T (sau đây viết tắt là Agribank – PGD Thanh Bính) số tiền 50.000.000đ vào ngày 09/01/2018, thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 9,8%/năm. Đến nay, vợ chồng đã trả cho ngân hàng được số tiền nợ gốc là 15.000.000đ và trả lãi đến ngày 02/4/2019. Còn nợ lại Ngân hàng 35.000.000đ tiền gốc và tiền lãi. Chị T đề nghị Tòa án chia đôi số nợ trên cho chị và anh C mỗi người trả một nửa.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập nhưng bị đơn cố tình không đến làm việc và không có quan điểm gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Agribank thông qua người đại

diện trình bày: Ngày 09/01/2018, Agribank – PGD TB ký hợp đồng tín dụng số 470218/HĐTD với chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành C với nội dung như chị T đã trình bày là đúng sự thật. Quan điểm của ngân hàng: Yêu cầu chị T, anh C phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng tiền gốc là 35.000.000đ và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 375.890đ

Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy: Chị T, anh C bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra xô sát. Anh C có lần đánh chị T khiến chị phải điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương. Hiện nay, hai bên sống ly thân, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị S(chị gái anh C) trình bày: Nguyên nhân anh C có hành vi bạo lực gia đình với chị T là do anh C cho rằng chị T không gọi điện cho mẹ chồng để hỏi công việc chuẩn bị cúng giỗ cho bố chồng nên anh C đánh chị T. Dẫn đến chị T phải đi điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương. Sau khi ra viện, hai bên sống ly thân. Nếu chị T kiên quyết giữ nguyên quan điểm ly hôn anh C thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay, gia đình không biết rõ địa chỉ nơi làm việc của anh C nhưng anh C vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Thông qua gia đình, anh C nắm được toàn bộ nội dung vụ án ly hôn của vợ chồng anh. Quan điểm của anh C để chị T làm đơn ly hôn đơn phương, anh không về tham gia các buổi làm việc của Tòa án.

Người làm chứng bà Lê Thị M (mẹ đẻ chị T) trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên đánh đập chị T. Thậm chí, có lần anh C đánh chị T khiến chị T phải điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương. Sau khi ra viện, chị T muốn có thời gian suy nghĩ về quan hệ hôn nhân, nên chị không về sống với anh C. Bà M đề nghị Tòa án giải quyết chị T ly hôn anh C để chị T sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên toà, nguyên đơn và đại diện Agribank xin xét xử vắng mặt; Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt: BLTTDS). Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 BLTTDS; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Trần Thị T ly hôn anh Nguyễn Thành C; về con chung: Giao con chung cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2019 đến khi con chung thành niên

(đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về nợ chung: Chị T và anh C phải trả cho Agribank tiền nợ gốc là 35.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 09/8/2019; về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng; những người làm chứng vắng mặt và đều có ý kiến đề nghị xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện T, tỉnh Hải Dương, nên có đủ cơ sở xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng đối với người vợ. Hiện nay, hai bên sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, không có biện pháp nào cải thiện tình trạng quan hệ hôn nhân giữa hai người. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C đến làm việc. Tuy nhiên, anh C đều vắng mặt không có lý do, không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều đó, thể hiện ý thức coi thường pháp luật và thái độ không thiện chí đoàn tụ của anh C.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định: Tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị T và Chung đã mâu thuẫn trầm trọng trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay không có biện pháp nào cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị T ly hôn anh C là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T, anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị PA, sinh ngày 22/11/2005 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 24/6/2011. Hiện nay hai con đang ở với chị T. Chị T có thu nhập ổn định và được bố mẹ hỗ trợ trong việc chăm sóc con và được tạo điều kiện về chỗ ở lâu dài. Còn anh C làm nghề tự do, không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Các cháu Nguyễn Thị PA và Nguyễn Minh Đức đều có nguyện vọng ở với chị T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù

hợp. Do chị T tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh C không có tài sản chung. Về khoản nợ 35.000.000đ tại Agribank: Hợp đồng tín dụng được xác lập giữa ngân hàng và chị T, anh C, mục đích vay để cải tạo vườn và chăn nuôi. Do đó, xác định đây là nợ chung của chị T, anh C và buộc chị T, anh C, mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ gốc cho ngân hàng là 35.000.000đ và lãi suất trong hạn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 375.890đ

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn. Ngoài ra, chị T, anh C phải chịu án phí nợ chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Trần Thị T ly hôn anh Nguyễn Thành C.

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Nguyễn Thị PA sinh ngày 22/11/2005 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 24/6/2011 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị Trần Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Thành C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thành C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành C nợ Agribank số tiền 35.375.890đ (trong đó nợ gốc là 35.000.000đ, nợ lãi tính đến hết ngày 09/8/2019 là 375.890đ). Chị Trần Thị T, anh Nguyễn Thành C mỗi người phải trả cho Agribank số tiền 17.687.945đ (trong đó nợ gốc là 17.500.000đ, nợ lãi tính đến hết ngày 09/8/2019 là 187.945đ)

Kể từ ngày 10/8/2019 đến khi các bên thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, chị T, anh C phải chịu lãi suất theo sự thỏa thuận của các bên được thể hiện trong hợp đồng tín dụng số 470218/HĐTD ngày 09/01/2018.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 884.397đ án phí dân sự. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Trần Thị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000402 ngày 04/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị T còn phải nộp 884.397đ.

Anh Nguyễn Thành C phải chịu 884.397đ án phí dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo nội dung có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Đỗ Trường Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trường Giang

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Trường Giang

